

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ DDP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ DDP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DDP VIET NAM EQUIPEMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108653734

**3. Ngày thành lập:** 19/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 173 đường Nam Hồng, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
3.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
4.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
5.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
6.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
7.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
8.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
9.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
10.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
11.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
12.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
13.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
14.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
15.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
16.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

17.	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống...</p> <p>- Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: Dạng tấm, bảng, thanh;</p> <p>- Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như: Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vôi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo;</p> <p>- Sản xuất vữa bột;</p> <p>- Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô</p>	2395
18.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
19.	Đúc sắt, thép	2431
20.	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);</p> <p>- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);</p> <p>- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...</p> <p>- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, công;</p> <p>- Vách ngăn phòng bằng kim loại</p>	2511(Chính)
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
23.	<p>Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn</p>	2599
24.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
25.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
26.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

27.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
28.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
29.	Sản xuất đồng hồ	2652
30.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
31.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
32.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
33.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
34.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
35.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
36.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
37.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
38.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
39.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
40.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
41.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
42.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
43.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
44.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
45.	Sản xuất máy luyện kim	2823
46.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
47.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
48.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
49.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau	3100
50.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
51.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
52.	Sản xuất nhạc cụ	3220
53.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
54.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
56.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
57.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
58.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
59.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

60.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
61.	Xây dựng nhà để ở	4101
62.	Xây dựng nhà không để ở	4102
63.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
64.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
65.	Xây dựng công trình điện	4221
66.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Phá dỡ	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
72.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
73.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
74.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
75.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
76.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây	4620
77.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
78.	Bán buôn thực phẩm	4632
79.	Bán buôn đồ uống	4633
80.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
81.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
83.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

86.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
87.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
88.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
89.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
90.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
91.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
92.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
93.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
94.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
95.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
96.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
97.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

98.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim: Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; - Bán lẻ dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. - Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu... - Bán lẻ kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào... - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường; - Bán lẻ bình đun nước nóng; - Bán lẻ thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác. - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
99.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
100.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình	4759
101.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
102.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
103.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
104.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
105.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
106.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
107.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh ("trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí")	4773
108.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774

109.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
110.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
111.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
112.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
113.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn; - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng; (trừ hoạt động đấu giá)	4789
114.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet (loại trừ đấu giá bán lẻ qua internet) - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại	4791
115.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
116.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
117.	Vận tải hành khách đường bộ khác Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
118.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
119.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
120.	Bốc xếp hàng hóa	5224
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	5229
122.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
123.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

124.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
125.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820
126.	Lập trình máy vi tính	6201
127.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
128.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
129.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
130.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ Môi giới bất động sản	6820
131.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý: lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển	7020
132.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
133.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
134.	Cho thuê xe có động cơ	7710
135.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
136.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Kế hoạch tài chính, giữ sổ sách kế toán, dịch vụ nhân sự	8211
137.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
138.	Giáo dục nhà trẻ	8511



139.	Giáo dục mẫu giáo	8512
140.	Đào tạo đại học	8541
141.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
142.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
143.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
144.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc	9511

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHẠM THỊ HỒNG PHƯƠNG Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 09/09/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187011710

Ngày cấp: 10/10/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đìa, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đìa, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM THỊ HỒNG PHƯƠNG Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/09/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187011710

Ngày cấp: 10/10/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đìa, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đìa, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội